

Số: *16* /2019/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày *04* tháng *10* năm 2019

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng
máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo quy định tại Thông tư này được áp dụng đối với máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Thông tư này áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm:

a) Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục).



b) Đại học, trường đại học và cơ sở giáo dục đại học có tên gọi khác, trường cao đẳng sư phạm, trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng có nhóm ngành đào tạo giáo viên (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo).

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo quy định trong Thông tư này là những máy móc, thiết bị đồng bộ; máy móc, thiết bị đơn chiếc; dây chuyền công nghệ; dụng cụ; đồ dùng, đồ chơi; bàn; ghế; bảng; tủ/giá, kệ và các thiết bị khác (sau đây gọi chung là thiết bị) được sử dụng cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy, học tập, đào tạo, thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục và cơ sở đào tạo.

Điều 3. Mục đích hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị

1. Làm căn cứ để các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị.

2. Làm căn cứ để các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng thiết bị; quản lý, sử dụng thiết bị.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị trong các cơ sở giáo dục

1. Tiêu chuẩn thiết bị

a) Thiết bị có trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Thiết bị không có trong danh mục thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm:

- Thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp, khu ở nội trú phục vụ cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ và học sinh;

- Thiết bị phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá, kiểm định chất lượng;

- Máy tính, phương tiện kết nối mạng máy tính, các phần mềm hỗ trợ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học, các thiết bị nghe nhìn, hệ thống bàn, ghế, bảng, tủ/giá, kệ được lắp đặt trong các phòng học và các phòng chức năng bao gồm: phòng họp, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng khoa học - công nghệ, phòng tin học, phòng ngoại ngữ, phòng bộ môn, thư viện, phòng đa chức năng, phòng hoạt động đoàn đội, phòng truyền thống, phòng y tế, phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập, phòng tư vấn học sinh và nhà đa năng;

- Thiết bị vệ sinh trong khu vệ sinh của học sinh;

- Thiết bị phục vụ cho công tác y tế trường học;

- Thiết bị, dụng cụ hoạt động thể dục thể thao trường học;

MM

- Thiết bị phục vụ cho các trường chuyên biệt;
- Thiết bị khác phục vụ cho các hoạt động dạy và học.

2. Định mức thiết bị

Để xác định định mức thiết bị, các cơ sở giáo dục cần căn cứ theo các nguyên tắc sau:

a) Đối với thiết bị có trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành:

Căn cứ quy mô học sinh, số lớp và các quy định trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để xác định số lượng, đảm bảo đủ thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học, giáo dục và chăm sóc trẻ trong các cơ sở giáo dục.

b) Đối với thiết bị không có trong danh mục thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cần căn cứ theo các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với nội dung chương trình và các hoạt động giáo dục;
- Theo định hướng phát triển của cơ sở giáo dục để đạt được các mức độ đạt chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị trong từng giai đoạn;
- Quy mô học sinh, số lớp;
- Đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học;
- Nhu cầu sử dụng thực tế;
- Điều kiện về cơ sở vật chất để lắp đặt, bảo quản và khai thác sử dụng thiết bị.

Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị trong các cơ sở đào tạo

1. Tiêu chuẩn thiết bị

- Thiết bị trong các phòng thí nghiệm, phòng thực hành; xưởng/trại/trạm thực tập, thực hành, thực nghiệm;
- Thiết bị trong các thư viện hoặc trung tâm thông tin - thư viện, dây chuyền công nghệ phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ;
- Thiết bị phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá, kiểm định chất lượng;
- Máy tính, phương tiện kết nối mạng máy tính, các phần mềm hỗ trợ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học; các thiết bị nghe nhìn, hệ thống bàn, ghế, tủ/giá, kệ được lắp đặt trong các phòng học, hội trường, phòng sinh hoạt chuyên môn, giảng đường, trạm y tế, phòng thí nghiệm, phòng thực hành; xưởng/trại/trạm thực tập, thực hành, thực nghiệm, thư viện hoặc trung tâm thông tin - thư viện;

- Hệ thống điều hòa, hút ẩm, bảo ôn, phòng cháy chữa cháy, xử lý nước, chất thải trong các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khoa học; xưởng/trại/trạm thực tập, thực hành, thực nghiệm;

- Thiết bị khác phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các nhiệm vụ đặc thù của cơ sở đào tạo.

2. Định mức thiết bị:

Để xác định định mức thiết bị, các cơ sở đào tạo cần căn cứ theo các nguyên tắc sau:

a) Quy mô sinh viên, giảng viên quy đổi theo định hướng phát triển của cơ sở đào tạo.

b) Theo yêu cầu và mục tiêu của ngành nghề đào tạo, chương trình đào tạo; theo yêu cầu và mục tiêu của nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo và chuyển giao công nghệ; theo yêu cầu và mục tiêu của các nhiệm vụ, dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu phục vụ đào tạo.

c) Quy mô sinh viên của từng chuyên ngành đào tạo.

d) Điều kiện về cơ sở vật chất để lắp đặt, bảo quản và khai thác sử dụng thiết bị.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Đối với sở giáo dục và đào tạo, sở giáo dục - khoa học và công nghệ (gọi chung là sở giáo dục và đào tạo):

a) Căn cứ quy định tại Thông tư này xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị cho các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo thuộc phạm vi quản lý.

b) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với các cơ sở đào tạo

a) Căn cứ quy định tại Thông tư này, xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị của đơn vị.

b) Trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị cho các cơ sở đào tạo.

3. Các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư căn cứ quy định tại Thông tư này xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị của đơn vị.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị chuyên dùng được công khai trên cổng thông tin điện tử của các sở giáo dục và đào tạo, cơ sở đào tạo.

RM

Điều 7. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư này thì tiếp tục thực hiện. Trường hợp không phù hợp với quy định tại Thông tư này thì tiến hành rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Đối với các dự án đầu tư, mua sắm thiết bị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện.

Điều 8. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *20* tháng *11* năm 2019.

2. Chánh văn phòng, Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Thủ trưởng các cơ sở đào tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở GDĐT các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng;
- Như Điều 8;
- Công báo;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục CSVC (5 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

[Handwritten signature]
Nguyễn Hữu Độ